

Số: 03/2026/QĐST- HNGĐ

Lào Cai, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(V/v: Hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân)

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LÀO CAI

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền

Thư ký phiên họp: Bà Hà Thị Mai Huế - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên họp:
Bà Phạm Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 151/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2026 về việc: “Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2026/QĐST-VDS ngày 13 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trần Quang K, sinh năm 1972 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Tổ dân phố N 14, phường Y, tỉnh Lào Cai. Ông K, bà H vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Lào Cai. Địa chỉ trụ sở: Số 01 đường H, phường Y, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Tiến T - Chức vụ: Chủ tịch UBND phường Y, tỉnh Lào Cai. Ông Thanh vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự, bản tự khai, người yêu cầu ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H trình bày:

Ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H kết hôn với nhau ngày 07-3-1991 tại UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai), trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tại thời điểm kết hôn, ông K và bà H đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy

định nên khi đi đăng ký kết hôn đã khai tăng tuổi lên để đủ đăng ký kết hôn. Thực tế, ông Trần Quang K, sinh ngày 11-3-1972 nhưng khi đi đăng ký kết hôn lại khai lên ngày 26-3-1970; bà Hoàng Thị H, sinh ngày 10-10-1975 khi đi đăng ký kết hôn lại khai lên ngày 04-02-1972 để đủ điều kiện đăng ký kết hôn. Ngoài ra, khi kê khai bà H kê khai tên của bà thành Hoàng Thu H1. Cán bộ Ủy ban nhân dân phường N cũ khi làm thủ tục đăng ký căn cứ vào lời khai của ông K, bà H để làm thủ tục đăng ký kết hôn và cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho ông K, bà H. Vì vậy, ngày tháng năm sinh của ông K, bà H và họ tên của bà H trong Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 42 ngày 07-3-1991 do UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn cũ cấp thể hiện ông Trần Quang K sinh ngày 26-3-1970, bà Hoàng Thu H1 sinh ngày 04-02-1972 là khác so với ngày tháng năm sinh của ông K, bà H trong giấy khai sinh, căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác. Sau khi kết hôn ông K, bà H chung sống hạnh phúc đến nay đã sinh được hai con chung.

Do ngày tháng năm sinh của ông K, bà H và tên của bà H trong Giấy chứng nhận kết hôn không đúng với thực tế và không đúng với ngày tháng năm sinh trong Giấy khai sinh, Căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân khác nên ông K, bà H đã gặp khó khăn khi thực hiện các giao dịch dân sự. Ông K, bà H đã đến UBND phường Yên Bái và các cơ quan liên quan để làm thủ tục thay đổi ngày tháng năm sinh, điều chỉnh lại tên đệm của bà H trong giấy đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện được.

Do đó ông, bà làm đơn yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H, đồng thời đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân của ông Trần Quang K và Hoàng Thị H là hợp pháp kể từ thời điểm ông, bà đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Lào Cai vắng mặt tại phiên họp nhưng có Văn bản số 141/VP ngày 12-5-2026 và Văn bản số 984/UBND-VP ngày 22-5-2026 cung cấp thông tin như sau:

Qua kiểm tra trên phần mềm cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp và sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND phường Y, tỉnh Lào Cai có thể hiện: Ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị Thu H2 có đăng ký kết hôn với nhau ngày 07-3-1991 tại UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai). Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn cho công dân UBND phường N căn cứ vào tờ khai tự kê khai của công dân nên trong sổ đăng ký kết hôn hiện lưu tại

UBND phường Yên Bái thể hiện thông tin của các bên như sau: Ông Trần Quang K, sinh ngày 26/3/1970, dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam, cư trú tại Hợp tác xã H và bà Hoàng Thị Thu H2, sinh ngày 04/02/1972, dân tộc Kinh, Quốc tịch Việt Nam, cư trú tại tổ 30, phường H.

Tại Sổ đăng ký kết hôn và Dữ liệu hộ tịch của Bộ tư pháp lưu tại phường Y năm 1991 số 42 ngày đăng ký 07/03/1991 thông tin người vợ là Hoàng Thị Thu H2 sinh ngày 04/02/1972; tại Giấy chứng nhận kết hôn bản Cam scan do công dân cung cấp năm 1991 số 42 ngày đăng ký 07/03/1991 thông tin người vợ là Hoàng Thu H1 sinh ngày 04/02/1972. Hiện tại hồ sơ, tờ khai đăng ký kết hôn của công dân không còn lưu trữ tại phường nên không có căn cứ cung cấp và không có cơ sở để xác nhận việc sai lệch là do đâu.

Theo quy định pháp luật Hộ tịch và pháp luật chứng thực hiện hành không có quy định xác nhận hai thông tin hộ tịch (*họ tên, ngày tháng năm sinh*) là của một người, cụ thể: Điều 6 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch quy định: Giấy khai sinh là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân. Mọi hồ sơ, giấy tờ của cá nhân có nội dung về họ, chữ đệm, tên, ngày, tháng năm sinh, giới tính, dân tộc, quốc tịch, quê quán, quan hệ, cha, mẹ, con phải phù hợp với, Giấy khai sinh của người đó. Trường hợp nội dung trong hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác với nội dung trong Giấy khai sinh của người đó thì Thủ trưởng cơ quan, tổ chức quản lý hồ sơ hoặc cấp giấy tờ có trách nhiệm điều chỉnh hồ sơ, giấy tờ theo đúng nội dung trong Giấy khai sinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Lào Cai tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết việc dân sự: Căn cứ các Điều 29, 35, 40, 149, 367, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn

trái pháp luật của ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H được xác lập kể từ ngày 11-10-1992. Về lệ phí: Ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H là người yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật cư trú tại Tổ dân phố N 14, phường Y, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 29; Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Lào Cai.

Người yêu cầu ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Lào Cai tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu, lời trình bày của người yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ như Giấy chứng nhận kết hôn; các giấy tờ cá nhân của ông Trần Quang K, bà Hoàng Thị H; các thông tin do Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Lào Cai cung cấp có cơ sở xác định ông Trần Quang K có ngày sinh đúng là 11-3-1972, bà Hoàng Thị H có ngày sinh đúng là ngày 10-10-1975. Các tên gọi Hoàng Thu H1 trong Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 42 ngày 07-3-1991 do UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai); Hoàng Thị Thu H2 thể hiện trên phần mềm cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử của Bộ Tư pháp và sổ đăng ký kết hôn lưu trữ tại UBND phường Y, tỉnh Lào Cai, bà H xác định quá trình kê khai để làm thủ tục kết hôn với ông K, bản thân bà đã kê khai nhầm lẫn tên của mình thành Hoàng Thu H1. Do đó xác định bà Hoàng Thị H là tên gọi đúng theo Giấy khai sinh của bà H theo quy định tại Điều 6 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

Theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình 1986: “Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên mới được kết hôn” nên việc ông K, bà H đăng ký kết hôn ngày 07-3-1991 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 42 của UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) khi ông K chưa đủ 20 tuổi, bà H chưa đủ 18 tuổi là không đúng quy định pháp luật. UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) thực hiện việc đăng ký kết hôn cho ông K, bà H là không đúng theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông K, bà H về việc hủy kết hôn trái pháp luật theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 42 ngày 07-3-1991 do UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn (nay là phường Y, tỉnh Lào Cai) theo quy định tại Điều 5, Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 8; Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật: Sau khi đăng ký kết hôn từ năm 1991 đến nay ông K, bà H chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn. Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thì ông K, bà H đã có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông K, bà H đều yêu cầu Tòa án công nhận hôn nhân giữa ông bà kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông K, bà H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp theo quy định tại Điều 6 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó cần công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H kể từ thời điểm ông K, bà H đủ tuổi kết hôn là “Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên...” theo quy định tại Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, tức là ngày 11-10-1992.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H phải chịu tiền lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 6 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 149, 367, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H.

Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 42 ngày 07-3-1991 do UBND phường N, thị xã Y, tỉnh Hoàng Liên Sơn(nay là Ủy ban nhân dân phường Y, tỉnh Lào Cai).

Công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Quang K, sinh ngày 11-3-1972 và bà Hoàng Thị H, sinh ngày 10-10-1975 kể từ ngày 11-10-1992.

2. Về lệ phí: Ông Trần Quang K và bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0001391 ngày 13-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai (xác nhận ông K, bà H đã nộp đủ tiền lệ phí).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp được quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 1 - Lào Cai;
- THADS tỉnh Lào Cai;
- Người yêu cầu;
- Người có QLNVLQ;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- Lưu HS.

Nguyễn Thị Kim Tuyền